

Từ Hán Hàn - Hán Việt đồng âm khác nghĩa và các phương pháp giảng dạy từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa cho sinh viên Việt Nam

Mai Như Nguyệt

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Từ Hán Hàn chiếm hơn 60% trong tổng số từ vựng tiếng Hàn. Việc nghiên cứu về từ Hán Hàn trên đối tượng sinh viên người Việt để khai thác những điểm giống và khác nhau của từ Hán Hàn - Hán Việt sẽ giúp cho sinh viên Việt Nam học tiếng Hàn hiệu quả hơn. Bài nghiên cứu tiến hành phân loại các lỗi dùng từ Hán Hàn trên 80 bài viết tiếng Hàn của sinh viên Việt Nam trình độ trung cấp. Qua phân tích cho thấy nhóm “lỗi đồng âm khác nghĩa” chiếm tỷ lệ lớn nhất (78.24%). Theo đó, nghiên cứu đưa ra hướng giảng dạy “lỗi đồng âm khác nghĩa” với ba phương pháp: phương pháp dạy thông qua sửa lỗi câu sai, phương pháp dạy thông qua câu chuyện và phương pháp dạy thông qua các mẫu tin trên báo tiếng Hàn.

Từ khóa: Hán Hàn, Hán Việt, từ đồng âm khác nghĩa, từ khác âm đồng nghĩa

1. MỤC ĐÍCH VÀ TÍNH CẦN THIẾT CỦA BÀI NGHIÊN CỨU

Hai nước Việt Nam và Hàn Quốc tuy cùng thuộc châu Á nhưng xét về vị trí địa lý lại có khoảng cách rất lớn. Xét về phương diện ngôn ngữ, do ngôn ngữ của hai quốc gia chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ từ tiếng Trung Quốc nên bản chất ngôn ngữ hai nước có rất nhiều điểm tương đồng.

Từ năm 1992, kể từ khi hai nước thiết lập mối quan hệ ngoại giao đến nay, hoạt động giáo dục tiếng Hàn Quốc tại Việt Nam và tiếng Việt Nam tại Hàn Quốc đã có những bước tiến thần tốc và vô cùng rực rỡ. Điển hình có thể thấy như tại Hàn Quốc đã chọn môn Tiếng Việt làm một trong những môn thi xét tuyển đại học, bắt đầu giảng dạy ở bậc trung học phổ thông. Tại Việt Nam cũng có nhiều trường cao đẳng, đại học trên toàn quốc đang tổ chức thực hiện giảng dạy tiếng Hàn, đồng thời đã tổ chức triển khai giảng dạy tiếng Hàn như ngoại

ngữ thứ hai tại bậc trung học.

Ngoài ra từ Hán Hàn chiếm hơn 60% trong tổng số từ vựng tiếng Hàn. Tương tự, từ Hán Việt cũng chiếm 60 - 70% trong hệ thống từ vựng tiếng Việt. Hai ngôn ngữ tuy có tỷ lệ từ Hán Hàn - Hán Việt (HH - HV) tương đối cao nhưng do ảnh hưởng từ việc dịch trực tiếp từ tiếng mẹ đẻ, sự khác biệt nhau về mặt ý nghĩa, từ loại, ...[1]. Do đó, cần thiết phải có những nghiên cứu về cách giảng dạy từ Hán Hàn trên đối tượng sinh viên Việt Nam, giúp sinh viên học tiếng Hàn một cách hiệu quả.

Các nghiên cứu về việc dạy từ Hán Hàn cho đối tượng sinh viên Việt Nam bắt đầu từ năm 2003 với luận văn “Phân tích lỗi dùng từ vựng tiếng Hàn của học viên người Việt Nam và phương pháp dạy từ vựng” của tác giả Yoon Hye Suk [2], nghiên cứu “Cách học tiếng Hán Hàn dành cho

Tác giả liên hệ: ThS. Mai Như Nguyệt

Email: nguyetmn@hiu.vn

đối tượng học viên Việt Nam” của Bùi Thị Ngọc Anh [3] và “Nghiên cứu về phương án giáo dục từ đồng âm khác nghĩa Hán Hàn - Hán Việt” của tác giả Mai Như Nguyệt [4]. Ngoài các nghiên cứu về cách thức giảng dạy từ Hán Hàn cho đối tượng người Việt vừa kể trên, đến nay cũng có một số bài nghiên cứu mang tính chất so sánh đối chiếu về từ Hán Hàn - Hán Việt nổi bật như “Nghiên cứu đối chiếu từ Hán Hàn - Hán Việt” của Lê Tuấn Sơn [5], “Nghiên cứu các dạng lỗi sai trong cách dùng từ Hán Hàn của học viên người Việt Nam” của Nguyễn Thị Hương Sen, “Nghiên cứu về từ đồng âm Hán Hàn - Hán Việt” của Lý Kính Hiền [6],...

Nhìn chung, so với tốc độ phát triển mạnh mẽ của ngành Hàn Quốc học tại Việt Nam, những công trình nghiên cứu về cách giảng dạy tiếng Hàn cho đối tượng học viên người Việt vẫn còn rất khiêm tốn. Mục đích của bài nghiên cứu là tìm ra phương pháp giảng dạy từ đồng âm khác nghĩa Hán Hàn - Hán Việt cho sinh viên Việt Nam. Để đạt được mục đích này, bài nghiên cứu trước tiên sẽ phân loại các nhóm từ Hán Hàn, sau đó thu thập 80 bài viết theo chủ đề của sinh viên năm 2 - 3 ngành Hàn Quốc học có trình độ tiếng Hàn trung cấp để phân tích lỗi dùng từ Hán Hàn thường gặp. Từ đó, đề xuất và

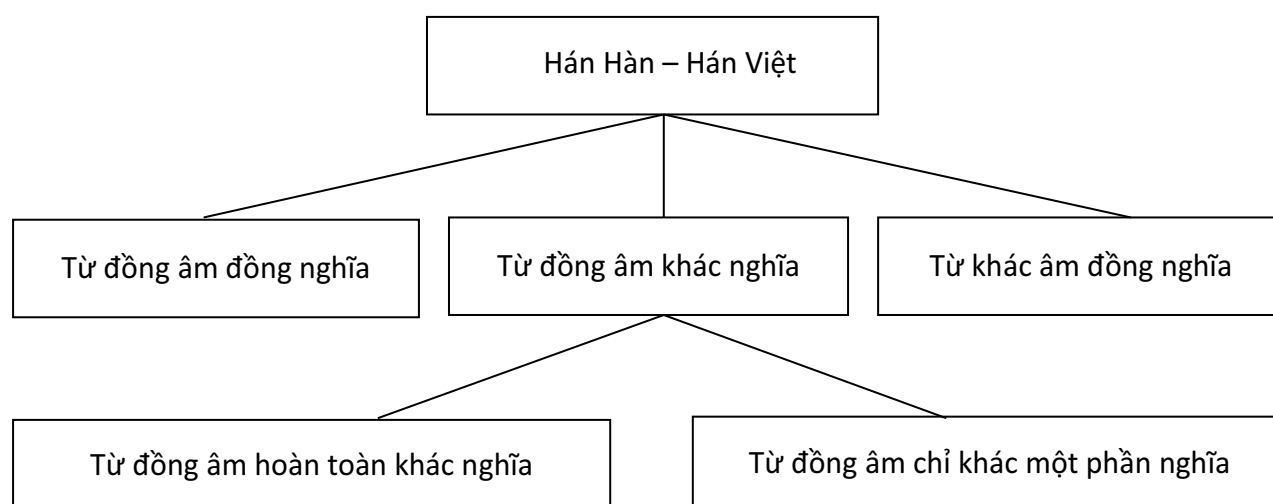
tiến hành dạy thử ba phương pháp giảng dạy cho sinh viên và so sánh, phân tích hiệu quả của từng phương pháp.

2. PHÂN LOẠI CÁC NHÓM TỪ HÁN HÀN - HÁN VIỆT DỰA TRÊN MẶT NGỮ NGHĨA

Theo T.Krzeszowski, khi so sánh đối chiếu hai ngôn ngữ sẽ bao gồm các trường hợp sau [7-8]:
(a) $XI_1 = XI_2$: X của ngôn ngữ 1 sẽ đồng nhất về mặt nào đó với X của ngôn ngữ 2.
(b) $XI_1 \neq XI_2$: X của ngôn ngữ 1 sẽ có sự khác biệt về mặt nào đó với X của ngôn ngữ 2.
(c) $XI_1 = \emptyset XI_2$: X của ngôn ngữ 1 sẽ không có điểm tương ứng với X của ngôn ngữ 2.

Bài nghiên cứu này sẽ chia từ HH - HV thành ba nhóm là từ đồng âm đồng nghĩa, từ đồng âm khác nghĩa, từ khác âm đồng nghĩa. Theo phân loại của T. Krzeszowski, từ đồng âm đồng nghĩa sẽ tương ứng với nhóm (a), từ đồng âm khác nghĩa tương ứng với nhóm (b) và từ khác âm đồng nghĩa sẽ tương ứng với nhóm (c). Trong đó, từ đồng âm khác nghĩa sẽ là nội dung chính được đề cập đến trong bài và tác giả chia nhỏ từ đồng âm khác nghĩa HH - HV ra thành hai nhóm con là “từ đồng âm hoàn toàn khác nghĩa” và “từ đồng âm khác một phần nghĩa”.

Phân loại các nhóm từ được trình bày ở **Hình 1**.



Hình 1. Phân loại từ Hán Hàn – Hán Việt

2.1. Từ Hán Hàn - Hán Việt đồng âm đồng nghĩa

Khái niệm từ đồng âm đồng nghĩa là sự kết hợp giữa khái niệm “đồng âm” và “đồng nghĩa”.

Trong bài nghiên cứu này sẽ thực hiện so sánh giữa tiếng Hàn và tiếng Việt vốn là hai ngôn ngữ không cùng ngữ hệ nên sẽ được thực hiện dựa

trên phạm trù ngôn ngữ học đối chiếu. Vì vậy từ HH - HV đồng âm đồng nghĩa là những từ Hán Hàn có cách phát âm và ngữ nghĩa tương tự với từ Hán Việt.

Có thể liệt kê một số từ HH - HV đồng âm đồng nghĩa như sau:

(1) 秘密

Hàn 【비밀】/bi mil/ bí mật

Việt 【bí mật】

(2) 學生

Hàn 【학생】/hak seng/ học sinh

Việt 【học sinh】

2.2. Từ đồng âm khác nghĩa

2.2.1. Từ Hán Hàn - Hán Việt đồng âm hoàn toàn khác nghĩa

Hiện tượng đồng âm khác nghĩa là một hiện tượng dễ thấy trong từ Hán Hàn - Hán Việt. Tuy từ Hán Hàn - Hán Việt đều cùng có chung gốc từ Hán nhưng thông qua quá trình phát triển, một số từ gốc Hán ở cả hai nước đều biến đổi thành nghĩa khác nhau. Quá trình biến đổi này đã tạo ra những lớp từ vựng có cùng từ gốc Hán nhưng không giống nghĩa. Sau đây là một số ví dụ về từ HH - HV đồng âm hoàn toàn khác nghĩa:

(3) 工夫

Hàn 【공부】/kong bu/: học

Việt 【công phu】

(4) 環境

Hàn 【환경】/hwan gyeong/: môi trường

Việt 【hoàn cảnh】

2.2.2. Từ Hán Hàn - Hán Việt đồng âm khác một phần nghĩa

Cùng với từ HH - HV đồng âm hoàn toàn khác nghĩa, từ HH - HV đồng âm khác một phần nghĩa cũng thuộc nhóm từ HH - HV đồng âm khác nghĩa. Từ đồng âm khác một phần nghĩa là những từ có sự đồng nhất về mặt chữ nhưng có sự khác biệt giữa vị trí hoặc số lượng chữ và chỉ có một phần ý nghĩa giống nhau. Xét về mặt hình thái, tồn tại hai trường hợp: trường hợp thứ nhất “thay đổi vị trí chữ trong từ”, trường hợp thứ hai “thay đổi số chữ”.

Ví dụ về nhóm “thay đổi vị trí chữ trong từ”:

(5) 圖表/ 表圖

Hàn: 圖表 【도표】/do pyu/ đồ biểu -> biểu đồ

Việt: 表圖 【biểu đồ】

(6) 社會保險/ 保險社會

Hàn: 社會保險 【사회 보험】/sa hoe bo heom/ xã hội bảo hiểm -> bảo hiểm xã hội

Việt: 保險社會 【bảo hiểm xã hội】

Dưới đây sẽ là ví dụ về nhóm “thay đổi số chữ”:

(7) 女子/ 女

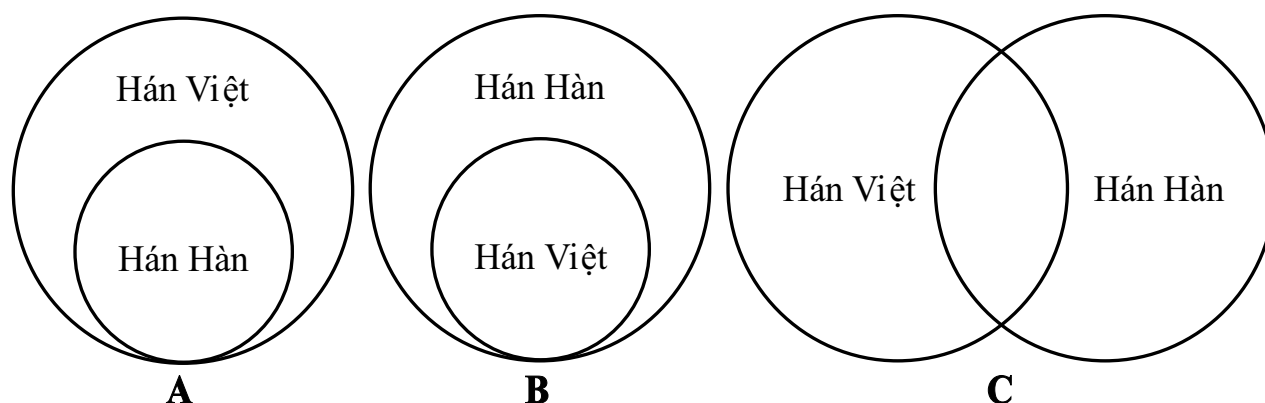
Hàn: 女子 【여자】/yeo ja/ nữ

Việt: 女 【nữ】

(8) 男子/ 男

Hàn: 男子 【남자】/nam ja/ nam

Việt: 男 【nam】



Hình 2. Từ Hán Hàn – Hán Việt đồng âm khác một phần nghĩa

Ngược lại nếu xét trên phương diện ngữ nghĩa, từ HH - HV đồng âm khác một phần nghĩa có thể phân ra làm ba nhóm nhỏ bao gồm: từ Hán Việt có nghĩa

rộng hơn từ Hán Hàn, từ Hán Hàn có nghĩa rộng hơn từ Hán Việt, từ Hán Việt và Hán Hàn có thêm nghĩa bổ sung. Có thể mô phỏng ba nhóm này như Hình 2.

+ Từ Hán Việt có nghĩa rộng hơn từ Hán Hàn (**Hình 2A**).

(9) 英雄

Hàn: 【영웅】/yeong ung: người có tài năng và dũng khí hơn hẳn người thường, người làm nên những việc được người đời ca tụng [8].

Việt: 【anh hùng】

(a) nhân vật thần thoại có sức mạnh và dũng khí phi thường, lập nên những kì tích đặc biệt (thường có trong truyện thần thoại Hi Lạp).

(b) người có tài năng và dũng khí hơn hẳn người thường, làm nên những việc được người đời ca tụng.

(c) danh hiệu vinh dự cao nhất của nhà nước Việt Nam (cũng như một số nhà nước khác) tặng thưởng cho người hoặc đơn vị có thành tích và cống hiến đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu hoặc lao động [9].

+ Từ Hán Việt có nghĩa hẹp hơn từ Hán Hàn (**Hình 2B**)

(10) 市場

Hàn: 【시장】/xi jang/ (a): chợ, (b): thị trường

Việt: 【thị trường】

+ Từ Hán Việt và Hán Hàn có thêm nghĩa bổ sung.

(11) 義理

Hàn: 【의리】/ưi ri/ (a): những đạo lý con người phải tuân theo, (b): giá trị, (c): Tình nghĩa.

Việt: 【nghĩa lý】 (a): những đạo lý con người phải tuân theo, (b): giá trị, (c): Giá trị.

2.2.3. Từ khác âm đồng nghĩa

Từ gốc Hán sử dụng ở hai nước đều khác nhau nhưng lại mang nghĩa giống nhau.

Ví dụ:

(12) Nghĩa chung: người chuyên chăm sóc bệnh nhân theo sự chỉ dẫn của y sĩ, bác sĩ

Hàn: 【간호사】/ka-nô sa/ 看護師

Việt: 【y tá】 醫佐

(13) Nghĩa chung: Từ chỉ một phần tử bất kỳ của một tập hợp cùng loại, được xét riêng lẻ nhưng qua đó nhằm để nói chung cho mọi phần tử của tập hợp.

Hàn: 【각각】/kak kak/ 各各

Việt: 【từng】 每(매)

3. CÁC LỖI SAI KHI SỬ DỤNG TỪ HÁN HÀN – HÁN VIỆT CỦA HỌC VIÊN VIỆT NAM

Đối tượng tham gia trong quy mô bài nghiên cứu này là 80 sinh viên năm 2 - 3 ngành Hàn Quốc học, mỗi sinh viên chọn viết một trong năm chủ đề: “Thế nào là hạnh phúc?”, “Kỷ niệm đáng nhớ nhất”, “Lý do học tiếng Hàn”, “Căn nhà muốn sống sau này”, “Món quà đáng nhớ nhất”. Với 80 bài viết, tác giả tìm ra những lỗi sai trong việc dùng từ Hán Hàn mà sinh viên mắc phải. Tiêu chuẩn để đánh giá lỗi sai của sinh viên là lỗi dùng từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ. Kết quả tổng kết lỗi sai được thể hiện ở **Bảng 1**.

Bảng 1. Tỷ lệ lỗi dùng từ Hán Hàn

Phân loại lỗi	Số câu sai	Tỷ lệ câu sai (%)
Đồng âm khác nghĩa	223	78.24
Đồng âm khác từ loại	62	21.76
Tổng	285	100.00

Tổng cộng có 1,045 câu, trung bình mỗi bài viết là 13 câu. Trong mỗi câu hầu như đều xuất hiện từ Hán Hàn. So với tổng số câu, những câu sai do sử dụng từ Hán Hàn chiếm khoảng 27.27%. Trong 285 câu sai có 22 lỗi chính là “lỗi do dùng từ đồng âm khác nghĩa” và “lỗi do dùng từ đồng âm khác loại từ”. Với tỷ lệ 78.24% lỗi dùng từ đồng âm khác nghĩa Hán Hàn cho thấy cần thiết phải có biện pháp giáo dục khắc phục dạng lỗi này.

4. ĐỀ XUẤT VÀ HIỆU QUẢ CỦA CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY TỪ HÁN HÀN – HÁN VIỆT ĐỒNG ÂM KHÁC NGHĨA

Theo như đề cập ở trên, từ đồng âm khác nghĩa sẽ chia thành hai nhóm nhỏ là “đồng âm hoàn toàn khác nghĩa” và “đồng âm khác một phần nghĩa”. Tuy nhiên, đối với phương pháp dạy từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa, bài nghiên cứu này chỉ nghiên cứu phương pháp giáo dục dành cho từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa nói chung.

Có thể liệt kê ra một số các phương pháp dạy từ vựng nói chung và từ đồng âm khác nghĩa nói riêng như:

- Phương pháp dạy thông qua sửa lỗi sai.
- Phương pháp dạy thông qua câu chuyện.
- Phương pháp dạy thông qua các mẫu tin trên báo tiếng Hàn.

Sau đây sẽ là mẫu giáo án dành cho từng phương pháp dạy.

4.1. Phương pháp dạy thông qua sửa lỗi sai

Do sinh viên Việt Nam có sẵn vốn từ Hán Việt

nhất định, nên trong quá trình dịch sang tiếng Hàn hay có khuynh hướng tìm từ Hán Hàn tương ứng với từ Hán Việt. Lúc này người dạy sẽ đưa ra những câu ví dụ có sử dụng từ Hán Hàn sai. Cách này giúp thu hút sự chú ý của người học, giúp người học nhận thức được rằng từ tiếng Hàn tuy cùng gốc từ Hán nhưng lại có nghĩa khác từ tiếng Việt. Trình tự của buổi học sẽ là đưa từ, giải thích nghĩa, luyện tập và ôn tập, được trình bày cụ thể ở **Bảng 2**.

Bảng 2. Đề cương bài giảng “Học từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa - thông qua lỗi sai”

Mục tiêu	1. Thông qua câu sai có thể hiểu và sử dụng từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa một cách phù hợp. 2. Nhận biết được lỗi sai và hiểu được điểm khác biệt giữa từ Hán Việt và Hán Hàn. 3. Nắm được nghĩa tương ứng và không lặp lại những lỗi sai tương tự.			
Trình tự bài giảng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của người học	Tài liệu học	Thời gian
Dẫn nhập	Giới thiệu khái niệm về từ đồng âm khác nghĩa, đưa ra những câu hỏi liên quan khái niệm từ đồng âm khác nghĩa - Giảng viên đưa ra câu hỏi: a. Hãy đưa ra một số ví dụ về từ đồng âm khác nghĩa? b. Những từ Hán Việt tương ứng của ‘학원’, ‘전문 대학교’...	Học viên thảo luận và trả lời câu hỏi	Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (trung cấp 3)	10 phút
Giới thiệu từ vựng	1. Dự đoán những từ Hán Hàn mà người học dễ phạm lỗi từ đồng âm khác nghĩa. 2. Người dạy đưa ra đoạn văn bản tiếng Việt có chứa từ Hán Việt đã dự đoán người dịch sẽ phạm lỗi từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa khi dùng lỗi dịch đối ứng, sau đó yêu cầu dịch ra tiếng Hàn.	Chọn ra những từ Hán Hàn và từ HH - HV đồng âm khác nghĩa		50 phút
Giải quyết vấn đề	Liệt kê những từ sai, giới thiệu nghĩa chính xác của từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa	Thảo luận trường hợp cụ thể sử dụng từ đồng âm khác nghĩa đã hiểu		20 phút
Luyện tập	Đưa ra những câu sử dụng từ đồng âm khác nghĩa sai và yêu cầu tìm, chỉnh lại lỗi	Chia nhóm, dùng từ điển để hoàn thành bài		40 phút
Kết thúc vấn đề	Đưa sinh viên bảng nghĩa đối ứng của từ HH - HV đồng âm khác nghĩa	Đặt câu với những từ HH - HV đồng âm khác nghĩa đã cho		30 phút

4.2. Phương pháp dạy thông qua câu chuyện

Trong cuộc sống hàng ngày, người Hàn dùng rất nhiều từ Hán Hàn để trao đổi thông tin. Chính vì vậy, người dạy có thể sử dụng những câu chuyện có chủ đề gần gũi với người học,

trong đó đã lồng ghép từ đồng âm khác nghĩa HH - HV. Nhờ chủ đề gần gũi với cuộc sống giúp cho người học tiếp thu nội dung một cách hứng thú. Đề cương xây dựng bài giảng được trình bày cụ thể ở **Bảng 3**.

Bảng 3. Đề cương bài giảng “Học từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa - thông qua câu chuyện”

Mục tiêu	1. Thông qua đoạn hội thoại sinh viên có thể hiểu và sử dụng từ đồng âm khác nghĩa Hán Hàn một cách phù hợp. 2. Nhận biết và hiểu được điểm khác biệt giữa từ Hán Việt và Hán Hàn. 3. Nắm được nghĩa tương ứng và không bị lặp lại những lỗi sai tương tự.			
Trình tự bài giảng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của người học	Tài liệu học	Thời gian
Dẫn nhập	Người dạy đưa ra những câu hỏi liên quan đến chủ đề VD: chủ đề “Nghề nghiệp tương lai”	Sinh viên thảo luận và trả lời câu hỏi	Giáo trình Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (trung cấp 3)	10 phút
Giới thiệu từ vựng	Trước tiên người dạy sẽ đưa ra bài viết bằng tiếng Việt. Sắp xếp để xuất hiện nhiều những từ Hán Việt mà khi dịch ra tiếng Hàn người học dễ phạm lỗi từ đồng âm khác nghĩa	Dịch đoạn văn và chỉ ra từ Hán Hàn		50 phút
Giải quyết vấn đề	Liệt kê ra những từ sai, giới thiệu nghĩa chính xác của từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa	Thảo luận trường hợp cụ thể sử dụng từ đồng âm khác nghĩa đã hiểu		20 phút
Luyện tập	Cho học viên thảo luận và phát biểu về những từ HH-HV đồng âm khác nghĩa mới tìm được. Cho học viên làm bài tập viết kể về những đề tài gần gũi với cuộc sống	Chia nhóm, dùng từ điển để hoàn thành bài		40 phút
Kết thúc vấn đề	Sắp xếp lại những từ đã học trong ngày			10 phút

4.3. Phương pháp dạy thông qua các mẫu tin trên báo tiếng Hàn

Bằng cách đưa cho sinh viên dịch những mẫu tin ngắn đăng trên báo tiếng Hàn về những idol, những sự kiện nổi bật đang diễn ra... giúp

cho người học nhận thức được tính hữu dụng trong việc thông thạo từ Hán Hàn. Từ đó sẽ học tiếng Hàn một cách hứng thú và đạt hiệu quả cao. Cách xây dựng buổi dạy được trình bày cụ thể ở **Bảng 4**.

Bảng 4. Đề cương bài giảng “Học từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa thông qua các mẫu tin trên báo tiếng Hàn”

Mục tiêu	1. Thông qua các mẫu tin trên báo tiếng Hàn, sinh viên có thể hiểu và sử dụng từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa một cách phù hợp. 2. Nắm được ngữ cảnh để sử dụng từ Hán Hàn - Hán Việt đồng âm khác nghĩa thích hợp.			
Trình tự bài giảng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của người học	Tài liệu học	Thời gian
Dẫn nhập	Yêu cầu học viên kể tên những tờ báo hoặc trang báo online tiếng Hàn nổi tiếng. Hỏi về những vấn đề thời sự đang diễn ra ở Hàn	Học viên thảo luận và trả lời câu hỏi	Giáo trình Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam (trung cấp 3)	10 phút
Giới thiệu từ vựng	Đưa cho học viên những mẫu tin tiếng Hàn và yêu cầu tìm những từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa	Dịch đoạn văn và chỉ ra từ Hán Hàn		50 phút
Giải quyết vấn đề	Liệt kê và giới thiệu nghĩa chính xác của những từ Hán Hàn - Hán Việt đồng âm khác nghĩa xuất hiện trong mẫu tin	Thảo luận trường hợp cụ thể sử dụng từ đồng âm khác nghĩa đã hiểu		20 phút
Luyện tập	Cho học viên thảo luận và phát biểu về những từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa mới tìm được Yêu cầu học viên tìm thêm những từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa xuất hiện trong những mẫu tin khác	Chia nhóm, dùng từ điển để hoàn thành bài		40 phút
Kết thúc vấn đề	Sắp xếp lại những từ đã học trong ngày			10 phút

4.4. Nhận xét về hiệu quả của ba phương pháp giảng dạy từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa

Phương pháp dạy thông qua sửa lỗi sai là phương pháp điển hình mà hầu như người dạy nào cũng từng áp dụng. Người dạy sẽ đứng trên lập trường của người học để đoán những lỗi mà người học mắc phải để đưa ra những câu sai phù hợp. Tuy nhiên, khuyết điểm của phương pháp này là học viên sẽ bị thụ động tiếp xúc kiến thức, khó nhớ từ vựng. Để khắc phục lỗi này, người dạy phải sưu tầm những mẫu câu hay, gây ấn tượng với người học.

Đối với phương pháp dạy thông qua câu chuyện, nhờ các hoạt động nói, viết về những đề tài gần gũi, học viên dễ có được sự hứng thú. Tuy nhiên một số trường hợp có quá ít hoặc hầu như không có từ Hán Hàn đồng âm khác, trường hợp này bắt buộc người dạy phải thông qua dạng bài tập điền từ để hướng người học giải quyết mục tiêu học từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa.

Phương pháp dạy thông qua các mẫu tin trên báo tiếng Hàn là phương pháp dễ khơi gợi hứng thú cho người học nhất do được đọc những nội dung mới, mang tính thời sự, hấp dẫn. Tuy nhiên, khuyết điểm lớn nhất của phương pháp này là có nhiều từ mới, thậm chí là từ lóng khiến sinh viên dễ nảy sinh tâm lý chán nản. Chính vì vậy, người dạy cần chủ động tìm trước những mẫu tin chứa nhiều từ Hán Hàn phù hợp với trình độ của người học.

5. KẾT LUẬN

Mục đích của bài nghiên cứu này là tìm hiểu từ Hán Hàn - Hán Việt đồng âm khác nghĩa và các phương pháp giảng dạy từ Hán Hàn đồng âm khác nghĩa cho sinh viên Việt Nam. Thông qua kết quả so sánh đối chiếu, có thể thấy từ Hán Hàn - Hán Việt bao gồm ba nhóm là “từ đồng âm đồng nghĩa”, “từ khác âm đồng nghĩa” và “từ đồng âm khác nghĩa”. Nhóm “từ đồng âm khác nghĩa”

được chia ra thành hai nhánh nhỏ là “đồng âm hoàn toàn khác nghĩa” và “đồng âm khác một phần nghĩa”.

Theo kết quả phân tích 80 bài viết tiếng Hàn của sinh viên năm 2 - 3 ngành Hàn Quốc học, do ảnh hưởng của việc dịch trực tiếp từ tiếng mẹ đẻ (từ Hán Việt) nên tỷ lệ lỗi dùng từ đồng âm khác nghĩa Hán Hàn - Hán Việt lên đến 78.24%. Để khắc phục lỗi đồng âm khác nghĩa Hán Hàn - Hán Việt cho sinh viên Việt Nam, tùy từng trường hợp, người dạy có thể cân nhắc sử dụng những phương pháp phổ biến như phương pháp dạy thông qua sửa lỗi câu sai, phương pháp dạy thông qua câu chuyện, phương pháp dạy thông qua các mẫu tin trên báo tiếng Hàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Hương Sen, “베트남인 한국어 학습자의 한자어 오류 양상 연구 (nghiên cứu các dạng lỗi sai trong cách dùng từ Hán Hàn của học viên người Việt Nam)”, *국어 교육 연구* (nghiên cứu giáo dục quốc ngữ), 55, 211 - 232, 2014.
- [2] Yoon Hye Suk, “베트남인 한국어 학습자의 어휘 오류 분석 및 교육 방안 연구” (phân tích lỗi dùng từ vựng tiếng Hàn của học viên người Việt Nam và phương pháp dạy từ vựng), luận văn thạc sĩ, đại học Yeonsei, Hàn Quốc, 2003.
- [3] Bùi Thị Ngọc Anh, “베트남 학습자를 위한 한

국어 한자어 학습 전략 (cách học tiếng Hán Hàn dành cho đối tượng học viên Việt Nam)”, luận văn thạc sĩ, đại học Ngoại ngữ Busan, Hàn Quốc, 2011.

[4] Mai Như Nguyệt, “한국 한자어와 베트남 한자어의 동형이의어 교수. 학습 방안 연구 (nghiên cứu về phương án giáo dục từ Hán Hàn - Hán Việt đồng âm khác nghĩa)”, luận văn thạc sĩ, đại học Dongguk, Hàn Quốc, 2015.

[5] Lê Tuấn Sơn, “한국어와 베트남어 한자어의 대조 연구 (nghiên cứu đối chiếu từ Hán Hàn - Hán Việt)”, luận án tiến sĩ, đại học Yeungnam, Hàn Quốc, 2009.

[6] Lý Kính Hiền, “韓國語와 베트남語의 同形漢字語 比較研究 (nghiên cứu về từ đồng âm Hán Hàn - Hán Việt)”, luận văn thạc sĩ, đại học Inha, Hàn Quốc, 2009.

[7] Bùi Mạnh Hùng, *Ngôn ngữ học đối chiếu*. NXB Giáo dục, 2008.

[8] Tomasz P Krzeszowski, *Contrasting languages: the scope of contrastive linguistics*, Berlin; New York: Mouton de Gruyter, 1990.

[9] 표준국어대사전, 국어국립원 (Đại từ điển tiếng Hàn chuẩn, Viện Quốc ngữ công lập)

[10] Hoàng Phê, *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Từ điển Bách khoa, 2010.

An experimental study of adapting project - based learning in English speaking skills teaching at HIU

Mai Nhu Nguyet

ABSTRACT

Sino - Korean accounts for more than 60% of the total Korean vocabularies. Therefore, it is necessary for Vietnamese students to study about Sino - Korean in order to exploit the similarities and differences of Sino - Korean - Vietnamese. It can help Vietnamese students to learn Korean language more effectively. This research analyzes and classtifies mistakes in using the Sino - Korean from 80 Korean essays of Vietnamese students at the intermediate - level. Through the analysis, the group of mistake “mistake in using homonym” accupines the largest proportion (78.24%). Based on these results, the author suggested a teaching direction “mistake in using homonym” with three methods, including teaching methods through correcting incorrect sentences, teaching methods through stories, and teaching methods through articles in Korean newspapers.

Keywords: Sino - Korean, Sino - Vietnamese, homonym, synonym

Received: 05/10/2020

Revised: 07/11/2020

Accepted for publication: 20/10/2020